

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.
2. Bà Võ Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1978. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Bình H, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã T, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn P, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Bình H, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Bùi Kim H, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp Bình H, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Trần Thị X, trình bày: Chị và anh P cưới nhau vào ngày 19/6/2001 âm lịch, vì lo làm ăn nên không có đăng kết hôn. Hôn nhân do mai mối và chị cũng đồng ý kết hôn cùng anh P. Sau khi cưới, vì chị là dâu út nên

chị và anh P cùng sống chung với gia đình anh P. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2004 khi sinh được con chung Diễm K thì chị và anh P chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh P không lo làm ăn, chỉ lo chơi cờ như đánh bài, đá gà, số đề, uống rượu và anh P còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh P từng làm tờ cam kết là sẽ chấm dứt quan hệ tình cảm với người đó, rất nhiều lần chị tha thứ cho anh P để vợ chồng chung sống lo cho hai con chung nhưng sau khi chị tha lỗi cho anh P thì một tháng sau là anh P lại tiếp tục chơi cờ, không lo làm ăn. Chị và anh P không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, anh P có gọi điện thoại cho chị nhưng chị không nghe máy. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn P.

Bị đơn anh Bùi Văn P, trình bày: Không nhớ ngày tháng năm vợ chồng cưới nhau, chỉ nhớ sống chung với nhau được 18 năm, không có đăng ký kết hôn, vì bận đi làm. Hôn nhân do cha mẹ vợ biết anh nên gả chị X cho anh. Sau khi cưới anh và chị X cùng sống chung với gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Khoảng tháng 02 - 3 năm 2020 anh đi thành phố làm, ở nhà chị X đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh không biết lý do tại sao chị X ly hôn. Anh không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh vẫn lo làm ăn, chỉ khi nào không có chuyện làm hoặc khi làm ăn thất bại anh buồn thì anh có đánh bài ăn thua bằng uống nước, có khi ăn thua bằng tiền với những người ở xóm, anh có bán đất của cha mẹ để lại để trả nợ nhưng không có bàn bạc với chị X nên vợ chồng cũng có cự cãi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Trước đây, chị X không có làm đơn xin ly hôn với anh, anh không nhớ có ký tên vào tờ cam kết vào ngày 01/02/2016 hay không nhưng cán bộ Tòa án có cho anh xem tờ cam kết ngày 01/02/2016 thì đó là chữ ký của anh nhưng anh không nhớ nội dung trong tờ cam kết như thế nào. Anh và chị X không còn sống chung từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh không thống nhất ly hôn, vì không muốn hai con chung phải khổ.

2. Về việc nuôi con:

Nguyên đơn chị Trần Thị X, trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau có hai con chung, con gái tên Bùi Thị Diễm K, sinh ngày 23/4/2004 và con trai tên Bùi Văn Anh H, sinh ngày 27/10/2006. Hiện hai con chung sống cùng chị, chị đang buôn bán rau cải, trái cây, trừ tất cả các chi phí sinh hoạt gia đình thì mỗi tháng chị còn dư được từ 9.000.000đ – 10.000.000đ, khi còn sống chung với anh P thì tất cả chi phí sinh hoạt gia đình cũng như chi phí cho hai con chung ăn học thì chị lo hết. Anh P làm thợ hàn cũng có tiền nhưng không có đưa tiền cho chị để lo cho gia đình, hiện anh P đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, chị không biết thu nhập của anh P mỗi tháng được bao nhiêu.

Bị đơn anh Bùi Văn P, trình bày: Anh thống nhất việc chị X trình bày về họ tên, ngày tháng năm sinh của hai con chung. Anh không thống nhất giao hai con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, vì anh không đồng ý ly hôn, muốn hai con chung sinh sống cùng anh và chị X, yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng

anh đoàn tụ. Nếu Tòa án cho chị X được ly hôn với anh thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm thợ hàn tại Thành phố Hồ Chí Minh, lương mỗi tháng được 10.000.000đ - 12.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì anh còn dư lại 6.000.000đ – 7.000.000đ. Hiện mỗi tháng anh gửi về cho hai con chung được 1.000.000đ. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau thì chi phí sinh hoạt gia đình chị X chi trả, chị X còn cho anh tiền để tiêu xài, do vậy anh mới đi làm để lo cho gia đình. Chị X buôn bán rau cải tại chợ ngã tư C, khóm T, thị xã HN, anh không biết chị X thu nhập mỗi ngày được bao nhiêu tiền. Nếu được giao con thì hai con chung muốn ở nhà thì ở nhà, muốn về ngoại ở thì về ngoại, còn không thì đi theo anh lên Thành phố để sinh sống cũng được.

3. Về chia tài sản chung:

Nguyên đơn chị Trần Thị X, trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau được cha mẹ chồng cho 3547m² đất thuộc thửa đất số 280 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại xã T, huyện HN do anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị không yêu cầu được sở hữu tài sản chung của vợ chồng nữa, chị rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là 3547m² đất, vì chị và hai con chung không cần tài sản nữa. Nếu anh P thương con thì nên gìn giữ đất, để lại cho hai con sau này. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Bị đơn anh Bùi Văn P, trình bày: Việc chị X trình bày 3547m² đất thuộc thửa đất số 280 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại xã T, huyện HN do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của anh và chị Xen là không đúng, nếu chị X nói sao thì vậy đi, đất không phải là tài sản chung của vợ chồng, đất là của cha mẹ ruột anh để lại cho một mình anh, không phải cho hai vợ chồng anh, còn các anh chị của anh gồm Bùi Kim H, Bùi Thị T, Bùi Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn H, Bùi Thị H, Bùi Thị T thì cha mẹ lúc còn sống đã cho đất xong. Nếu chị X đồng ý về chung sống với anh, để vợ chồng đoàn tụ thì anh thống nhất chia 3547m² thành 04 phần bằng nhau gồm cho chị X, anh, con chung Diễm K và con chung Anh H mỗi người một phần bằng nhau còn nếu chị X muốn lấy hết đất thì cứ lấy, anh không có ý kiến gì. Việc chị X trình bày rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 3547m² đất thuộc thửa đất số 280 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại xã T thì anh không có ý kiến, không có tranh chấp về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P đều trình bày là vợ chồng chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2020 người làm chứng bà Bùi Kim H, trình bày: Bà là chị ruột của anh P, chị chồng của chị X và không có mâu thuẫn với anh P, chị X. Không nhớ chị X, anh P cưới nhau khi nào, chỉ biết không có đăng ký kết hôn. Bà biết chị X, anh P có mâu thuẫn nên không còn sống chung từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân là do phần đất của cha mẹ để lại anh P bán lại cho người khác nhưng chị X không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau và chị X bỏ đi. Chị X, anh P có hai con chung tên là Bùi Thị Diễm K, sinh

năm 2004 và Bùi Văn Anh H, sinh năm 2006. Hiện Diễm K, Anh H sống cùng chị X. Chị X buôn bán hàng rau cải ở chợ, không rõ thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền. Khi còn sống chung nhà thì vợ chồng anh P cùng nuôi dưỡng con chung, còn từ khi không còn sống chung thì chi phí ăn uống, học hành của hai con chung là do chị X lo. Anh P có đến nhà cha mẹ vợ để năn nỉ chị X nhưng chị X không thống nhất đoàn tụ. Vợ chồng chị X, anh P chung sống không có tài sản chung. Phần đất 3547m² thuộc thửa đất 280 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã T là của cha mẹ bà tên Bùi Văn H (chết cách nay 09-10 năm) và mẹ là Phạm Thị Đ (chết cách nay 05-06 năm). Cha mẹ bà có 08 người con gồm Bùi Kim H, Bùi Thị T, Bùi Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn H, Bùi Thị H, Bùi Thị G và Bùi Văn P. Khi cha mẹ bà còn sống thì đất do cha mẹ bà quản lý, sử dụng khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc thì đất anh P quản lý, sử dụng. Bà không nhớ anh P quản lý, sử dụng đất khi nào, việc anh P sử dụng đất thì không có ai tranh chấp hay ngăn cản, vì thấy anh P làm ăn thất bại. Nếu sau này, anh P để đất lại cho các con của anh P thì anh chị em của bà cũng thống nhất còn nếu chị X yêu cầu chia tài sản cha mẹ bà để lại thì bà không thống nhất. Về nợ chung: Theo bà biết trong quá trình làm ăn thì anh P có thiếu nợ nhưng không biết có phải nợ chung của vợ chồng không, không biết họ tên chủ nợ, chỉ biết nợ khoảng 30.000.000đ nên anh P bán đất để trả nợ nhưng không rõ trả nợ xong chưa. Ngoài ra, bà không biết còn nợ ai không.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P, vì chị X và anh P chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Về việc nuôi con chung: Xét, con chung Diễm K và anh Anh H đều có nguyện vọng được sống cùng chị X. Đồng thời, con chung Diễm K là con gái nên sống với mẹ sẽ phù hợp hơn, thu nhập chị X ổn định và cao hơn anh P, từ khi chị X và anh P không sống chung từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay thì chị X chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung được đảm bảo về mọi mặt. Việc, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung nhưng hiện tại anh đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung của anh Bùi Văn P, chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Diễm K, sinh ngày 23/4/2004 và con chung Bùi Văn Anh H, sinh ngày 27/10/2006 của chị Trần Thị X và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu là phù hợp. Về chia tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chị X đã rút về chia tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Xen khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và anh P hiện đang cư trú tại ấp Bình H, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P đều trình bày vợ chồng chung sống từ năm 2001 và không có đăng ký kết hôn, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện HN, tỉnh ĐT thì chị X, anh P chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị X cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc vì anh P không lo làm ăn, chỉ lo đánh bài, đá gà, số đề, uống rượu và anh P còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P. Anh P không thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh vẫn lo làm ăn, chỉ khi nào không có việc làm thì anh có đánh bài và anh không muốn hai con chung phải khổ nên anh không đồng ý ly hôn với chị X. Việc chị X yêu cầu được ly hôn nhưng anh P không thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy chị X, anh P là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng do chị X, anh P chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì việc kết hôn không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do chị X yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Diễm K, sinh ngày 23/4/2004 và con chung Bùi Văn Anh H, sinh ngày 27/10/2006. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Diễm K và con chung Anh H hiện đang sinh sống ổn định cùng chị X, được đảm bảo về mọi mặt từ khi chị X và anh P không còn sống chung từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, con chung Diễm K, Anh H đều có nguyện vọng sống với chị X. Anh P thừa nhận trong thời gian anh và chị X còn sống chung thì chị X chăm sóc con tốt, chi phí sinh hoạt gia đình cũng như chi phí ăn học của hai con chung đều do chị X lo, chị X còn cho anh tiền tiêu xài. Mặt khác, hiện tại anh P đang đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, anh P cũng thừa nhận nếu được giao con chung thì con chung ở nhà hay về ngoại ở thì anh cũng thống nhất hoặc muốn theo anh lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cũng được. Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng...so với chị X thì anh P chưa được đảm bảo tốt. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Diễm K và Anh H của anh P, nghĩ nên giao hai con chung Diễm K và Anh H cho chị X được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn chị Trần Thị X rút lại phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn là 3547m² đất, thuộc thửa đất 280 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã T, huyện HN do anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét, việc chị X rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về nợ chung: Chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị X chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.620.000đ theo biên lai thu số 0001200 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, chị X được nhận lại 5.320.000đ là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1, 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Bùi Văn P.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Diễm K, sinh ngày 23/4/2004 và con chung Bùi Văn Anh H, sinh ngày 27/10/2006 của anh Bùi Văn P.

2.2 Giao con chung Bùi Thị Diễm K, sinh ngày 23/4/2004 và con chung Bùi Văn Anh H, sinh ngày 27/10/2006 cho chị Trần Thị X được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là 3547m² đất, thuộc thửa đất 280 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã T, huyện HN do anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Trần Thị X đã rút.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị X chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.620.000đ theo biên lai thu số 0001200 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Chị X được nhận lại 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 6 năm 2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung